

GIÁ TRỊ DI SẢN VĂN HÓA PHI VẬT THỂ QUỐC GIA Ở QUẢNG NINH: TỪ HỆ THỐNG HÓA ĐẾN GIẢI PHÁP BẢO TỒN VÀ PHÁT HUY

Phan Thị Huệ

Trường Đại học Hạ Long

Email: phanthihue@daihochalong.edu.vn

/Ngày nhận bài: **25/11/2025** /Ngày nhận bài sửa sau phản biện: **12/12/2025** /Ngày chấp nhận đăng: **15/12/2025**

TÓM TẮT

Trong bối cảnh chuyển đổi kinh tế từ “nâu” sang “xanh”, tỉnh Quảng Ninh xác định di sản văn hóa phi vật thể (DSVHPVT) là nguồn lực nội sinh cốt lõi cho sự phát triển bền vững. Với 19 DSVHPVT đã được ghi danh cấp quốc gia, Quảng Ninh sở hữu một kho tàng văn hóa đa dạng nhưng cũng đối mặt với những thách thức lớn từ quá trình toàn cầu hóa và áp lực thương mại hóa du lịch. Bài viết tập trung hệ thống hóa giá trị của 19 DSVHPVT quốc gia trên địa bàn tỉnh theo khung phân tích gồm 3 nhóm: giá trị nội tại, giá trị xã hội - cộng đồng, và giá trị ứng dụng - phát triển, đồng thời đánh giá thực trạng công tác bảo tồn, phát huy nhận diện những thành tựu, hạn chế và các nguy cơ như “sân khấu hóa” hay đứt gãy trong trao truyền. Trên cơ sở đó, bài viết đề xuất một hệ thống giải pháp đồng bộ, chú trọng hoàn thiện chính sách, giáo dục, đề cao vai trò chủ thể của cộng đồng, ứng dụng công nghệ và phát triển các sản phẩm du lịch di sản theo chiều sâu, nhằm bảo tồn và phát huy bền vững giá trị di sản trong bối cảnh mới.

Từ khóa: Di sản văn hóa phi vật thể, Quảng Ninh, hệ giá trị, bảo tồn bền vững, phát triển du lịch, chủ thể cộng đồng

NATIONAL INTANGIBLE CULTURAL HERITAGE VALUES IN QUANG NINH: FROM SYSTEMATIZATION TO ORIENTATIONS FOR CONSERVATION AND PROMOTION

ABSTRACT

Amid Quang Ninh's ongoing economic transition from a “brown” to a “green” growth model, intangible cultural heritage (ICH) has been increasingly recognized as a nucleus endogenous resource underpinning sustainable development. With nineteen ICH elements inscribed at the national level, the province possesses a culturally rich and diverse heritage landscape, yet it also confronts mounting challenges arising from globalization, and pressures of tourism commercialization. This article systematizes the values of Quang Ninh's 19 national ICH elements through an analytical framework comprising three groups: intrinsic values, socio-community values, and applied–developmental values. It further analyzes the current state of heritage management to identify key achievements, persisting constraints, and potential risks—including tendencies toward “performative staging” and interruptions in intergenerational transmission. Drawing on these findings, the study proposes a set of comprehensive solutions that emphasize policy improvement, empowerment of the community's pivotal role as the primary heritage bearer and custodian, application of digital technologies, and the development of heritage-driven tourism products with substantive cultural depth which aim to foster the sustainable conservation and meaningful promotion of intangible cultural heritage values in the evolving contemporary context.

Keywords: Intangible cultural heritage; Quang Ninh; system of heritage values; sustainable conservation; tourism development; community's pivotal

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong những năm qua, công tác bảo tồn và phát huy các DSVH luôn được tỉnh Quảng Ninh đặc biệt quan tâm, thể hiện qua việc ban hành nhiều nghị quyết và triển khai các đề án đã đạt được những thành tựu đáng kể.

Việc gia tăng nhanh chóng số lượng di sản được công nhận cấp quốc gia là một vinh dự, đồng thời nhưng cũng đặt ra yêu cầu cấp thiết phải có một cách tiếp cận hệ thống, khoa học và đồng bộ trong công tác

quản lý, bảo tồn và phát huy. Do đó, hệ thống hóa giá trị của 19 DSVHPVT quốc gia và đề xuất các giải pháp bảo tồn, phát huy bền vững là một nhiệm vụ có ý nghĩa sâu sắc, cả về phương diện lý luận khoa học lẫn thực tiễn phát triển của tỉnh.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Bài viết được thực hiện dựa trên các phương pháp nghiên cứu cụ thể như sau:

Phương pháp phân tích và tổng hợp tài liệu: Nghiên

VĂN HÓA - CULTURE

cứu suu tầm, phân tích và tổng hợp thông tin từ các văn bản pháp quy, báo cáo, đề án của các cơ quan quản lý tại Quảng Ninh; Các công trình khoa học, sách chuyên khảo, bài báo khoa học đã được công bố về di sản văn hóa Quảng Ninh để xây dựng một nền tảng lý luận vững chắc cho vấn đề nghiên cứu.

Phương pháp điền dã dân tộc học: Đây là phương pháp chủ đạo để thu thập dữ liệu sơ cấp thông qua các đợt điền dã, quan sát tham dự tại không gian thực hành của 19 DSVHPVT quốc gia.

Phương pháp phỏng vấn sâu: Các cuộc phỏng vấn sâu được thực hiện với các nhóm đối tượng chính: (1) chủ thể văn hóa (nghệ nhân, người thực hành di sản), (2) nhà quản lý văn hóa, và (3) đại diện cộng đồng địa phương.

Phương pháp hệ thống hóa: Dữ liệu thu thập được xử lý, phân loại và hệ thống hóa thông qua việc xây dựng ma trận hệ giá trị cho 19 di sản. Công cụ này cho phép cấu trúc hóa thông tin một cách khoa học, từ đó nhận diện các nhóm giá trị nổi bật và mối liên hệ giữa chúng, làm cơ sở cho việc đề xuất giải pháp.

3. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

3.1. Khung phân tích giá trị DSVHPVT và ứng dụng tại Quảng Ninh

Để thiết lập cơ sở lý thuyết cho việc đánh giá giá trị di sản, nghiên cứu trích dẫn khái niệm về DSVHPVT theo Luật Di sản văn hóa Việt Nam (2024). Theo đó, DSVHPVT được định nghĩa là: “Tri thức, kỹ năng tập quán, biểu đạt văn hóa cùng đồ vật, đồ tạo tác, không gian liên quan đến cộng đồng, nhóm người, cá nhân thực hành trao truyền qua nhiều thế hệ và hình thành nên bản sắc văn hóa của họ, không ngừng được trao truyền, bảo vệ, tái tạo, sáng tạo, có giá trị lịch sử, văn hóa, khoa học” (Quốc hội nước CHXHCNVN, 2024).

Quảng Ninh là địa phương có sự đa dạng văn hóa nổi bật với sự hiện diện và giao thoa của 43 dân tộc anh em, điều này đã kiến tạo nên một kho tàng di sản văn hóa phong phú. Tính đến tháng 6 năm 2025, tỉnh đã ghi nhận tổng số 362 DSVHPVT, trong đó có 19 di sản đã được vinh danh trong Danh mục DSVHPVT Quốc gia (Ngọc Mai & Nguyễn Thị Giang, 2025).

Về mặt phân loại, 19 di sản đã được ghi danh cấp Quốc gia của Quảng Ninh thuộc 4/6 loại hình được quy định trong Luật Di sản văn hóa. Cụ thể như sau:

Loại hình DSVHPVT	Di sản quốc gia tiêu biểu
Tập quán xã hội và tín ngưỡng	Hát Then (Tây); Lễ mừng cơm mới (Tây) Tục Kiêng gió (Đạo Thanh Phán); Lễ Cấp sắc (Đạo Thanh Y); Lễ cầu mưa (Sán Chi)
Nghệ thuật trình diễn dân gian	Hát Soọng cọ (Sán Chi); Hát Soọng cò (Sán Diu); Hát Nhà tơ (hát, múa cửa đình); Hát đối vùng biển tỉnh Quảng Ninh.
Lễ hội truyền thống	Lễ hội Bạch Đằng; Lễ hội đèn Cửa Ông; Lễ hội đình Quan Lan; Lễ hội Tiên Công; Lễ hội Xuồng đồng; Lễ hội đình Đầm Hà; Lễ hội đình Vạn Ninh; Lễ hội đình Trà Cổ.

Tri thức dân gian	Nghệ thuật may trang phục truyền thống (Sán Chi); Nghệ thuật may và trang trí trang phục (Đạo Thanh Phán).
-------------------	--

Xuất phát từ sự đa dạng về loại hình và tầm quan trọng quốc gia của 19 DSVHPVT tại Quảng Ninh, nghiên cứu này đề xuất một khung phân tích giá trị tích hợp để đánh giá toàn diện. Khung này được tổng hợp từ các lý thuyết nghiên cứu di sản quốc tế và điều chỉnh phù hợp với bối cảnh văn hóa - xã hội cũng như định hướng phát triển bền vững của địa phương. Khung phân tích bao gồm 03 nhóm giá trị chính:

Nhóm giá trị nội tại (Intrinsic Values): Đây là nhóm giá trị vốn có, là bản chất và là yếu tố cốt lõi tạo nên sự độc đáo, không thể thay thế của di sản. Đó là giá trị lịch sử (nguồn sử liệu sống), nghệ thuật - thẩm mỹ (phản ánh óc sáng tạo), khoa học (kho tàng tri thức bản địa), và tâm linh - tín ngưỡng (điểm tựa tinh thần cho cộng đồng).

Nhóm giá trị xã hội và cộng đồng (Social and Community Values): Nhóm này được hình thành và củng cố thông qua sự tương tác xã hội trong quá trình cộng đồng cùng nhau thực hành, trao truyền và gìn giữ di sản.

Nhóm giá trị ứng dụng và phát triển (Application and Development Values): Nhóm giá trị này, phản ánh tiềm năng chuyển hóa di sản thành nguồn lực phục vụ các mục tiêu phát triển đương đại. Các giá trị này bao gồm: giá trị kinh tế - du lịch (tạo sinh kế cho địa phương), môi trường bền vững (chứa đựng kinh nghiệm sử dụng tài nguyên hợp lý), và giá trị xây dựng biểu tượng - thương hiệu (nâng cao hình ảnh và vị thế của địa phương).

3.2. Hệ thống hoá và phân tích giá trị 19 DSVHPVTQG trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh

Để có một cái nhìn tổng quan, hệ thống và so sánh được về cơ cấu giá trị của 19 DSVHPVT quốc gia, một ma trận đánh giá được tác giả xây dựng dựa trên khung phân tích đã nêu trên. Ma trận này không chỉ là một bảng thống kê mà còn là một công cụ phân tích chiến lược, giúp nhận diện các nhóm di sản có thể mạnh khác nhau, từ đó đề xuất các định hướng bảo tồn và phát huy phù hợp.

Cách đánh giá trong ma trận:

- * Rất nổi bật (+++): Giá trị này là yếu tố cốt lõi, đặc trưng nhất, định hình bản chất của di sản.
- * Nổi bật (++) : Giá trị này thể hiện rõ nét và có vai trò quan trọng.
- * Tiềm ẩn (+): Giá trị này có tồn tại nhưng chưa được thể hiện rõ hoặc chưa được khai thác hiệu quả.
- * Hạn chế (-): Giá trị này không phải là thế mạnh hoặc không thể hiện rõ ở di sản này.

Bảng 1: Ma trận Hệ giá trị 19 Di sản Văn hóa phi vật thể quốc gia trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh

VĂN HÓA - CULTURE

TT	Tên Di sản	NHÓM GIÁ TRỊ NỘI TẠI			NHÓM GIÁ TRỊ XÃ HỘI & CỘNG ĐỒNG			NHÓM GIÁ TRỊ ỨNG DỤNG & PHÁT TRIỂN			
		Lịch sử	Nghệ thuật-Thẩm mỹ	Khoa học	Tâm linh-Tín ngưỡng	Giá trị cộng đồng	Bản sắc & Nhận diện	Giáo dục & Trao truyền	Kiến trúc & Di tích	Môi trường & Văn hóa	Điêu khắc-Thương hiệu
A TẬP QUÁN XÃ HỘI VÀ TÍN NGƯỠNG											
1	Hát Then của người Tày	++	+++	+	+++	++	+++	++	++	+	++
2	Lễ mừng cơm mới của người Tày	+	+	++	++	+++	++	++	+	++	+
3	Tục Kiêng gió của người Dao	+	+	+	++	+++	+++	++	++	+	++
4	Lễ Cấp sắc của người Dao Thanh Y	+	++	+	+++	+++	+++	+++	+	-	++
5	Lễ cầu mưa của người Sán Chi	+	+	++	+++	+++	++	++	+	++	+
B NGHỆ THUẬT TRÌNH DIỄN DÂN GIAN											
6	Hát Soọng cọ của người Sán Chi	+	+++	+	+	+++	+++	++	++	-	++
7	Hát Soọng cô của người Sán Diu	+	+++	+	+	+++	+++	++	++	-	++
8	Hát Nhà tơ (hát, múa cửa đình)	++	+++	+	++	++	+++	+	+	-	+
9	Hát đối vùng biển tỉnh Quảng Ninh	+	++	++	+	++	+++	++	+++	+	++
C LỄ HỘI TRUYỀN THỐNG											
10	Lễ hội Bạch Đằng	+++	++	++	++	+++	+++	+++	+++	-	+++
11	Lễ hội đền Cửa Ông	+++	++	+	+++	+++	+++	+++	+++	-	+++
12	Lễ hội đình Quan Lạn	+++	++	+	++	+++	+++	+++	++	-	+++
13	Lễ hội Tiên Công	+++	++	+	++	+++	+++	+++	++	-	+++
14	Lễ hội Xuông đống	+	+	++	+++	+++	+++	++	+	++	+
15	Lễ hội đình Đầm Hà	++	++	+	++	+++	++	+++	++	-	++
16	Lễ hội đình Vạn Ninh	++	++	+	++	+++	++	++	++	-	++
17	Lễ hội đình Trà Cổ	++	++	+	++	+++	+++	++	++	-	+++
D TRI THỨC DÂN GIAN											
18	NT may trang phục người Sán Chi	+	+++	+	+	++	+++	++	+	+	++
19	NT may trang phục người Dao Thanh Phán	+	+++	+	++	++	+++	++	+	+	++

Từ ma trận trên, có thể phân tích sâu các nhóm giá trị nổi bật của từng loại hình.

(1) Giá trị nhóm di sản Tập quán xã hội và tín ngưỡng
 Đây là nhóm di sản phản ánh sâu sắc đời sống tinh thần, thể giới quan và các mối quan hệ xã hội của các cộng đồng dân tộc thiểu số, với các giá trị nổi bật nhất là tâm linh-tín ngưỡng, gắn kết cộng đồng và bản sắc-nhận diện.

Hát Then của người Tày: Di sản này mang một cấu trúc giá trị kép độc đáo. Gốc rễ của Then là giá trị tâm linh-tín ngưỡng (+++), thể hiện qua hình thức Then tín ngưỡng (Then cổ) do các ông Then, bà Then thực hành trong các nghi lễ quan trọng như cầu an, giải hạn, đóng vai trò cầu nối giữa con người và thần linh. Song song đó, giá trị nghệ thuật-thẩm mỹ (+++) và bản sắc-nhận diện (+++) cũng vô cùng nổi bật qua hình thức Then văn nghệ (Then mới) với giai điệu mượt mà của cây đàn tính, lời ca giàu hình ảnh và các điệu múa uyển chuyển đã khiến Then trở thành một loại hình nghệ thuật đặc sắc, là “báu vật tinh thần không thể thiếu” của người Tày. Việc “Thực hành Then của người Tày, Nùng, Thái” được UNESCO vinh danh là Di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại đã khẳng định giá trị toàn cầu của di sản này, mang lại giá trị biểu tượng-thương hiệu (++) lớn cho vùng văn hóa Tày, đặc biệt là ở xã Bình Liêu.

Lễ mừng cơm mới của người Tày: Giá trị cốt lõi của di sản này là gắn kết cộng đồng (+++) và giáo dục - trao truyền (++) . Đây là nghi lễ nông nghiệp quan trọng, thể hiện lòng biết ơn trời đất, tổ tiên đã ban cho một mùa màng bội thu, qua đó giáo dục con cháu về

đạo lý “uống nước nhớ nguồn”. Lễ hội không chỉ diễn ra trong phạm vi gia đình mà còn được tổ chức với quy mô cộng đồng, trở thành ngày hội làng, thắt chặt tình đoàn kết xóm giềng. Bên cạnh đó, di sản còn chứa đựng giá trị khoa học (++) thông qua các tri thức bản địa về giống lúa, thời vụ và kỹ thuật canh tác lúa nước.

Tục Kiêng gió của người Dao Thanh Phán: Di sản này là biểu hiện tập trung nhất của giá trị bản sắc - nhận diện (+++) và gắn kết cộng đồng (+++) của người Dao Thanh Phán ở xã Hoàn Mô. Vào ngày mùng 4 tháng 4 Âm lịch, cả cộng đồng cùng nhau nghỉ ngơi, không lên nương, không cuốc đất để tránh làm kinh động thần Gió, cầu mong một năm mưa thuận gió hòa.

Lễ Cấp sắc của người Dao Thanh Y: Đây là nghi lễ quan trọng bậc nhất trong cuộc đời người đàn ông Dao, hàm chứa giá trị tâm linh - tín ngưỡng (+++), giáo dục -trao truyền (+++) và bản sắc - nhận diện (++) ở mức độ cao nhất. Lễ Cấp sắc là nghi lễ công nhận sự trưởng thành, đánh dấu việc một người đàn ông chính thức được công nhận là con cháu Bàn Vương và có một vị trí trong cộng đồng và được tham gia vào các công việc hệ trọng của dòng họ, làng bản. Lễ cầu mưa của người Sán Chi: Tương tự Lễ mừng cơm mới, giá trị tâm linh - tín ngưỡng (+++) và gắn kết cộng đồng (++) là hai giá trị trung tâm. Được tổ chức vào đầu xuân, nghi lễ thể hiện khát vọng chung của cả cộng đồng về một năm mới an lành, mùa màng bội thu, được tổ chức ở không gian thiêng chung của cả làng, củng cố mạnh mẽ sự đoàn kết.

(2) Giá trị nhóm di sản Nghệ thuật trình diễn dân gian
 Nhóm di sản này là nơi thể hiện rõ nhất tài năng sáng tạo, óc thẩm mỹ và đời sống tình cảm phong phú của các cộng đồng, với các giá trị nổi bật là nghệ thuật-thẩm mỹ, gắn kết cộng đồng và bản sắc - nhận diện.

Hát Soọng cọ của người Sán Chi và Hát Soọng cô của người Sán Diu: Cả hai đều là hình thức hát đối đáp giao duyên có cấu trúc giá trị tương đồng. Giá trị nghệ thuật -thẩm mỹ (++) thể hiện qua những làn điệu mượt mà, ca từ ví von, được ứng tác linh hoạt theo hoàn cảnh. Đây là phương tiện để nam nữ thanh niên bày tỏ tình cảm, tìm hiểu nhau, do đó nó mang giá trị gắn kết cộng đồng (++) và bản sắc - nhận diện (++) rất cao.

Hát Nhà tơ (hát, múa cửa đình): Di sản này mang giá trị lịch sử (++) và nghệ thuật - thẩm mỹ (++) đặc biệt. Là một thể loại trong 46 làn điệu của Ca trù, Hát Nhà tơ là một bằng chứng về sự giao thoa và phát triển của nghệ thuật cung đình và dân gian trong lịch sử. Nó gắn liền với không gian tín ngưỡng của đình làng người Việt cổ ở vùng ven biển Đông Bắc, được

VĂN HÓA - CULTURE

trình diễn trong các dịp lễ hội để thờ phụng Thành hoàng, các vị anh hùng dân tộc, mang cả giá trị tâm linh - tín ngưỡng (++)).

Hát đối vùng biển tỉnh Quảng Ninh: Đây là di sản mang giá trị bản sắc - nhận diện (+++) độc đáo của cộng đồng ngư dân ven biển. Các làn điệu như hò biển, hát đúm, hát chèo đường, hát đám cưới trên thuyền được sáng tạo từ chính cuộc sống lao động trên sông nước, do đó chúng chứa đựng một kho tàng giá trị khoa học (++) về tri thức dân gian biển cả: kinh nghiệm về con nước, luồng lạch, thời tiết, các loài hải sản. Ngày nay, với việc Vịnh Hạ Long trở thành di sản thiên nhiên thế giới, Hát đối (hay Hát giao duyên) đã được phát triển thành một sản phẩm du lịch đặc sắc, mang lại giá trị kinh tế - du lịch (+++) cao, góp phần tạo sinh kế cho cộng đồng và nâng cao giá trị trải nghiệm cho du khách.

(3) Giá trị nhóm di sản Lễ hội truyền thống

Lễ hội là hình thức sinh hoạt văn hóa tổng hợp, nơi kết tinh nhiều giá trị nhất. Các lễ hội của Quảng Ninh có thể chia thành ba nhóm nhỏ với những sắc thái giá trị riêng.

Lễ hội mang ý nghĩa lịch sử chống giặc ngoại xâm: Gồm Lễ hội Bạch Đằng, Lễ hội đền Cửa Ông, Lễ hội đình Quan Lạn. Ba lễ hội này có chung giá trị cốt lõi và nổi bật nhất là giá trị lịch sử (+++) và giáo dục (+++). Chúng tái hiện và tôn vinh những chiến công hiển hách của dân tộc, gắn với các anh hùng như Ngô Quyền, Lê Hoàn, Trần Hưng Đạo, Trần Quốc Tảng, Trần Khánh Dư. Các lễ hội này là những bài học lịch sử sống động, bồi đắp lòng yêu nước, niềm tự hào dân tộc và đạo lý “uống nước nhớ nguồn” cho các thế hệ. Với quy mô lớn và ý nghĩa lịch sử trọng đại, chúng mang giá trị biểu tượng - thương hiệu (+++) và kinh tế - du lịch (+++) rất cao, là những điểm nhấn quan trọng trên bản đồ du lịch Quảng Ninh.

Lễ hội nghề nghiệp và tôn vinh công đức: Lễ hội Tiên Công độc đáo ở chỗ tôn vinh những người dân thường có công khai hoang, lấn biển lập nên vùng đảo Hà Nam. Giá trị lịch sử (+++) của nó gắn với lịch sử khẩn hoang của người Việt vùng ven biển. Đặc biệt, Nghi lễ “rước người” - rước các cụ thượng thọ - là một thực hành văn hóa có một không hai, thể hiện sâu sắc giá trị giáo dục (+++) về lòng hiếu thảo và truyền thống kính lão. Đây là một lễ hội có giá trị gắn kết cộng đồng (+++) và bản sắc - nhận diện (+++) cực kỳ mạnh mẽ.

Lễ hội Xuống đồng là lễ hội nông nghiệp điển hình, mang đậm giá trị tâm linh - tín ngưỡng (+++) với nghi lễ cúng Thần Nông và Thành hoàng làng cầu cho mưa thuận gió hòa, mùa màng tốt tươi. Lễ hội cũng là nơi diễn ra các hoạt động cộng đồng sôi nổi như thi cấy,

đua thuyền, thể hiện giá trị gắn kết cộng đồng (+++) của cư dân lúa nước.

Lễ hội đình làng: Gồm Lễ hội đình Đàm Hà, Vạn Ninh, Trà Cổ. Các lễ hội này là trung tâm của đời sống văn hóa, xã hội và tâm linh của các cộng đồng làng xã ven biển. Chúng có chung giá trị gắn kết cộng đồng (+++) và bản sắc - nhận diện (++) rất cao. Mỗi lễ hội lại có những nghi thức độc đáo riêng, tạo nên giá trị đặc thù. Lễ hội đình Đàm Hà có “Lễ Cáo trạng” tôn vinh người học hành đỗ đạt, thể hiện giá trị giáo dục (+++) và tinh thần khuyến học. Lễ hội đình Trà Cổ với nghi lễ rước “Ông Voi” - một chú lợn được người cai đám chăm sóc cẩn thận và được cả làng tôn vinh như một linh vật thiêng liêng và hội thi làm cỗ là những thực hành văn hóa đặc sắc, mang giá trị nghệ thuật (++) và khẳng định vị thế “cột mốc văn hóa” nơi địa đầu Tô quốc.

(4) Phân tích giá trị nhóm di sản Tri thức dân gian

Nhóm di sản này là minh chứng cho sự khéo léo, óc sáng tạo và chiều sâu văn hóa của người phụ nữ các dân tộc thiểu số.

Nghệ thuật may trang phục của người Sán Chỉ và Dao Thanh Phán: Giá trị nổi bật và dễ nhận thấy nhất của hai di sản này là nghệ thuật - thẩm mỹ (+++) và bản sắc - nhận diện (+++). Mỗi bộ trang phục là một tác phẩm nghệ thuật di động, thể hiện qua các kỹ thuật phức tạp từ dệt vải, nhuộm chàm đến cắt may, khâu tay các hoa văn tinh xảo. Các họa tiết trên trang phục của người Dao Thanh Phán không chỉ để trang trí mà còn mang ý nghĩa tâm linh - tín ngưỡng (++) , thể hiện thế giới quan và tín ngưỡng thờ Bàn Vương của họ. Trang phục không chỉ là y phục mà còn là một tiêu chuẩn để đánh giá sự trưởng thành, khéo léo và phẩm hạnh của người phụ nữ, do đó nó mang giá trị giáo dục - trao truyền (++) quan trọng. Mặc dù giá trị kinh tế - du lịch (+) hiện còn ở dạng tiềm ẩn, nhưng đây là nguồn tài nguyên quý giá để phát triển các sản phẩm lưu niệm, thời trang ứng dụng, góp phần tạo sinh kế cho phụ nữ dân tộc thiểu số.

3.3. Thực trạng và giải pháp bảo tồn và phát huy giá trị DSVHPVTQG trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh

(1) Thực trạng và thách thức trong công tác bảo tồn

Công tác bảo tồn và phát huy giá trị DSVHPVT tại Quảng Ninh đã đạt được những thành tựu đáng ghi nhận, thể hiện qua hệ thống chính sách và nỗ lực triển khai đồng bộ, nhưng đồng thời cũng đối mặt với nhiều thách thức cần giải quyết. Về mặt quản lý, Tỉnh ủy đã ban hành các nghị quyết chiến lược như Nghị quyết 11-NQ/TU (2018) và Nghị quyết 17-NQ/TU (2023), xác định văn hóa là nguồn lực nội sinh và đặt ra các mục tiêu định lượng cao. Tuy nhiên, việc triển khai chính sách ở cấp cơ sở còn thiếu đồng bộ, và nguồn kinh phí đầu tư vẫn có xu hướng tập trung vào

VĂN HÓA - CULTURE

di tích vật thể, tạo ra sự mất cân đối giữa đầu tư cho di sản vật thể và di sản sống.

Về công tác kiểm kê và tư liệu hóa, tỉnh đã tiến hành kiểm kê 362 DSVHPVT; song, hoạt động tư liệu hóa chủ yếu vẫn dựa trên phương pháp truyền thống, các sản phẩm còn mang tính riêng lẻ, chưa được tích hợp vào một hệ thống cơ sở dữ liệu số đồng bộ để phục vụ công tác tra cứu và khai thác hiệu quả.

Đối với hoạt động truyền dạy và vai trò cộng đồng, nhiều mô hình truyền dạy sáng tạo đã được triển khai (như các lớp dạy hát dân ca, hát đối trên Vịnh Hạ Long), nhưng đang gặp phải nguy cơ gián đoạn do đội ngũ nghệ nhân lão hóa và sự giảm sút quan tâm của thế hệ trẻ trước các loại hình giải trí hiện đại.

Cuối cùng, trong hoạt động khai thác du lịch, mặc dù đã hình thành các sản phẩm độc đáo như chương trình “Hát giao duyên trên Vịnh Hạ Long” và thu hút lượng khách lớn đến các lễ hội, hoạt động này lại tiềm ẩn nguy cơ “lễ hội hóa”, biến nghi lễ thiêng liêng thành trình diễn, làm cho cộng đồng chủ thể bị đẩy sang vai trò người biểu diễn và làm mất đi ý nghĩa văn hóa cốt lõi của di sản.

(2) Hệ thống giải pháp bảo tồn và phát huy giá trị DSVHPVT

Dựa trên thực trạng và hệ giá trị đã phân tích, để giải quyết triệt để các thách thức và khai thác hiệu quả kho tàng DSVHPVT, tỉnh Quảng Ninh cần triển khai đồng bộ hệ thống 5 giải pháp chiến lược.

Một là, hoàn thiện cơ chế, chính sách

Nhằm tạo hành lang pháp lý vững chắc và nguồn lực bền vững, tỉnh Quảng Ninh cần tập trung vào ba giải pháp chính. (1) Xây dựng và ban hành “Quy hoạch tổng thể bảo tồn và phát huy giá trị DSVHPVT đến năm 2035, tầm nhìn 2050” tích hợp với các quy hoạch khác, xác định rõ danh mục ưu tiên và phân công trách nhiệm; (2) Bổ sung chính sách đãi ngộ thực chất (trợ cấp, bảo hiểm y tế, hỗ trợ truyền dạy/trình diễn) để nghệ nhân yên tâm cống hiến và trao truyền di sản. (3) Nghiên cứu thành lập “Quỹ Bảo tồn Di sản Văn hóa Quảng Ninh” theo mô hình công - tư để huy động nguồn lực ngoài ngân sách, ưu tiên tài trợ cho các hoạt động nghiên cứu, tư liệu hóa và phục dựng di sản có nguy cơ mai một.

Hai là, nâng cao nhận thức và giáo dục di sản

Bảo tồn di sản là sự nghiệp của toàn dân, do đó việc nâng cao nhận thức cho cộng đồng, đặc biệt là thế hệ trẻ, có ý nghĩa quyết định. Giải pháp tập trung vào hai hướng tiếp cận chính:

Triển khai chương trình “Di sản học đường”: Sở Giáo dục và Đào tạo, các trường đại học cao đẳng phối hợp với Sở Văn hóa và Thể thao xây dựng và triển khai

chương trình giáo dục di sản trong các trường học, trường chuyên nghiệp. Nội dung về 19 DSVHPVT quốc gia cần được tích hợp một cách sinh động vào môn học Giáo dục địa phương (đối với học sinh phổ thông), xây dựng học phần Di sản văn hoá phi vật thể tỉnh Quảng Ninh đưa vào chương trình đào tạo cho sinh viên theo học các ngành thuộc khối ngành khoa học xã hội và nhân văn. Cùng với đó cần tổ chức thường xuyên các hoạt động ngoại khóa, các chuyến đi thực tế đến không gian di sản, mời nghệ nhân đến nói chuyện và trình diễn tại trường học để học sinh/sinh viên có trải nghiệm trực tiếp, tổ chức các cuộc thi tìm hiểu, các chương trình hành trình văn hoá cho học sinh, sinh viên...

Đẩy mạnh truyền thông đa phương tiện: Cần xây dựng các chiến dịch truyền thông chuyên nghiệp, tận dụng sức mạnh của các nền tảng số. Có thể sản xuất các series phim tài liệu ngắn, chất lượng cao về từng di sản; xây dựng các kênh podcast kể chuyện di sản; sử dụng mạng xã hội (Facebook, TikTok, YouTube) để lan tỏa các hình ảnh, video clip hấp dẫn, dễ tiếp cận với giới trẻ.

Ba là, phát huy vai trò chủ thể của cộng đồng

Cần tập trung vào ba giải pháp trọng tâm:

Xây dựng mô hình “Quản trị di sản dựa vào cộng đồng” (phù hợp với Công ước UNESCO 2003). Đây là sự chuyển đổi từ quản lý “từ trên xuống” sang mô hình đồng quản lý, trao quyền và tạo cơ chế để cộng đồng tham gia thực chất vào mọi quá trình: nhận diện giá trị, bảo vệ, và chia sẻ lợi ích du lịch.

Nhân rộng mô hình du lịch cộng đồng: Nghiên cứu và áp dụng mô hình “Làng văn hóa du lịch cộng đồng” tại các địa bàn có di sản của đồng bào dân tộc thiểu số (Tày, Dao, Sán Dìu, Sán Chi). Nhà nước hỗ trợ hạ tầng, tập huấn ban đầu, sau đó để cộng đồng tự vận hành và quản lý.

Khuyến khích thành lập các “Ban Quản lý Di sản Cộng đồng” tự quản (gồm nghệ nhân, người uy tín và đại diện chính quyền cơ sở) sẽ là hạt nhân điều phối các hoạt động bảo tồn tại chỗ và tổ chức truyền dạy.

Bốn là, ứng dụng khoa học công nghệ và chuyển đổi số

Xây dựng “Ngân hàng dữ liệu số DSVHPVT Quảng Ninh”. Tỉnh cần đầu tư tổng thể để số hóa toàn diện 19 di sản quốc gia và các di sản đã kiểm kê bằng công nghệ chất lượng cao (video 360 độ, quét 3D) để phục vụ lưu trữ vĩnh viễn và nghiên cứu.

Phát triển các ứng dụng trải nghiệm số. Dựa trên ngân hàng dữ liệu, cần xây dựng các sản phẩm công nghệ tương tác cao: Ứng dụng di động chung (“Khám phá Di sản Quảng Ninh”) tích hợp bản đồ số và thông tin chi tiết; đặc biệt là ứng dụng Thực tế Tăng cường

VĂN HÓA - CULTURE

(AR) để tái hiện nghi lễ xưa tại chỗ và Thực tế Ảo (VR) để “tham dự” các lễ hội lớn từ xa.

Năm là, xây dựng thương hiệu và phát triển sản phẩm du lịch đặc thù

Định vị thương hiệu du lịch văn hóa: Xây dựng và quảng bá thương hiệu “Quảng Ninh - Miền đất của những Di sản sống”, nhấn mạnh tính nguyên bản và sức sống của di sản trong cộng đồng.

Phát triển các dòng sản phẩm du lịch chuyên sâu: Thiết kế các tour du lịch nghiên cứu và trải nghiệm có chiều sâu, cho phép du khách “tham gia” vào một phần của di sản thay vì chỉ “xem” trình diễn.

Quản lý tác động của du lịch: Ban hành quy định chặt chẽ để quản lý việc khai thác, xác định rõ ranh giới giữa không gian thiêng (cộng đồng) và không gian phục vụ du khách, tránh sân khấu hóa và tùy tiện đưa di sản ra khỏi bối cảnh gốc.

3. KẾT LUẬN

19 DSVHPVTQG trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh là minh chứng sống động cho bản sắc và là nguồn lực chiến lược quan trọng, đóng vai trò là “sức mạnh mềm” cho sự phát triển bền vững của tỉnh. Mặc dù công tác bảo tồn đã đạt được những thành tựu nhất định, nhưng vẫn đứng trước các thách thức lớn như nguy cơ mai một di sản, sự suy giảm vai trò của cộng đồng chủ thể và nguy cơ thương mại hóa. Để giải quyết các vấn đề này, tỉnh Quảng Ninh cần thực hiện một sự chuyển đổi trong cách tiếp cận: chuyển từ tư duy “quản lý” sang “quản trị” di sản. Sự thành công nằm ở việc hệ thống hóa toàn diện giá trị của từng di sản, đồng thời cân bằng hài hòa giữa bảo tồn và phát triển, trong đó cộng đồng được lấy làm trung tâm, giáo dục là then chốt và ứng dụng công nghệ là giải pháp đột phá. Việc triển khai đồng bộ hệ thống giải pháp đề xuất sẽ đảm bảo sức sống lâu dài cho di sản, biến di sản thành động lực phát triển kinh tế - xã hội, và xây dựng thương hiệu văn hóa đặc sắc cho tỉnh Quảng Ninh.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Đào Linh (2025).** *Ban Quản lý Vịnh đã tổ chức các lớp dạy hát đối (hát giao duyên) cho thế hệ trẻ,* Truy cập ngày 9/10/2025, từ: <https://baoquangninh.vn/dua-hat-doi-hat-giao-duyen-tro-thanh-san-pham-dac-sac-3365002.html>.
- Hà Phong (2023).** *Tục hát giao duyên của ngư dân trên Vịnh Hạ Long.* Truy cập ngày 3/10/2025, từ: <https://baoquangninh.vn/tuc-hat-giao-duyen-cua-ngu-dan-tren-vinh-ha-long-3272318.html>.
- Huỳnh Đăng (2025).** *Ba Chẽ: Khai dậy các giá trị văn hoá truyền thống.* Truy cập ngày

5/10/2025, từ: <https://baoquangninh.vn/khoi-day-gia-tri-van-hoa-cac-dan-toc-3346530.html>

Ngọc Mai & Nguyễn Thị Giang (2025). *Khai thác nguồn lực di sản cho phát triển bền vững.* Truy cập ngày 10/10/2025 từ <https://baoquangninh.vn/khai-thac-nguon-luc-di-san-cho-phat-trien-ben-vung-3377355.html>.

Phạm Học (2024). *Lan tỏa sức sống từ những câu lạc bộ.* Truy cập ngày 01/10/2025, từ <https://baoquangninh.vn/lan-toa-suc-song-tu-nhung-cau-lac-bo-3327107.html>.

Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam (2024). *Luật Di sản văn hóa.*

Thái Bình (2023). *Quảng Ninh thí điểm xây dựng 4 làng dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch cộng đồng.* Truy cập ngày 3/10/2025, từ <https://toquoc.vn/quang-ninh-thi-diem-xay-dung-4-lang-dan-toc-thieu-so-gan-voi-phat-trien-du-lich-cong-dong-2023090514502968.htm>

Tỉnh ủy Quảng Ninh (2018). *Nghị quyết số 11-NQ/TU ngày 9/3/2018 về "Xây dựng và phát triển văn hóa, con người Quảng Ninh đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững".*

Tỉnh ủy Quảng Ninh (2023). *Nghị quyết số 17/NQ-TU ngày 30/10/2023 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh "Về xây dựng và phát huy giá trị văn hóa, sức mạnh con người Quảng Ninh trở thành nguồn lực nội sinh, động lực cho phát triển nhanh, bền vững";*

Tỉnh ủy Quảng Ninh (2024). *Kế hoạch số 383-KH/TU ngày 26/3/2024 Triển khai thực hiện Nghị quyết số 17 ngày 30/10/2023 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh "Về xây dựng và phát huy giá trị văn hóa, sức mạnh con người Quảng Ninh trở thành nguồn lực nội sinh, động lực cho phát triển nhanh, bền vững";*

UNESCO (2003). *Công ước về Bảo vệ Di sản Văn hóa phi vật thể.*